TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 19 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Lợi

Ông Nguyễn Quang Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2017/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn T, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1998 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Dương Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự (Ngày 08/12/2016, bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn tránh, không thực hiện khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự); bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017 đến nay, "có mặt".

2. Đặng Văn S, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1996 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Trần Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 24/2013/HSST ngày 29/3/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 08 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; hiện bị cáo đang bị bắt, tạm giam về một tội khác tại Trại tạm giam số 01 – Công an Thành phố Hà Nội, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Trọng:* Ông Dương Minh Đ - Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư số 01 Vĩnh Phúc tại Hà Nội, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị hại:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1965 (bố của bị cáo T); nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện B, Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Tạ Văn V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Anh Tạ Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đặng Văn A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện B, Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

2. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc, "có mặt".

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc, "có mặt".

4. Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2017 Đặng Văn T đang ngồi chơi điện tử tại quán internet T ở thôn B, xã S cùng với Đặng Văn S và Đặng Văn A đều ở cùng thôn thì T nảy sinh ý định về nhà trộm cắp chiếc ti vi của gia đình đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. T nói với S đi cùng về nhà T có việc. S không nói gì và đồng ý đi cùng T. Sau đó T dùng điện thoại của mình gọi cho hãng taxi Thịnh Hưng đến đón. Khoảng 15 phút sau, Tạ Văn Q lái xe ô tô taxi biển kiểm soát 88K-0843 nhận đàm đến chở T, S. T ngồi ghế sau xe ô tô chỉ đường cho Q điều khiển xe ô tô đi về nhà T. Lúc này gia đình T không có ai ở nhà, cửa khép không khóa. Khi vào đến sân, T nói cho S biết ý định về nhà lấy trộm chiếc ti vi của gia đình đi bán lấy tiền và bảo S cùng vào nhà khiêng ti vi ra xe nhưng S không vào nhà cùng T mà đi ra xe ô tô taxi, còn T đi vào nhà lấy chiếc tivi nhãn hiệu Sony 43 inch màu đen để trên kệ trong phòng khách đi ra. S đi trước ra xe ô tô ngồi trên ghế phụ phía trước còn T bê ti vi ngồi ghế sau. T mượn điện thoại của S gọi cho bạn hỏi địa chỉ bán ti vi. Sau đó nói với Q điều khiển xe đưa T đi đến quán karaoke Đ ở xã B, huyện B (mục đích để bán chiếc ti vi cho anh Dương Hồng Q là chủ quán). Đến quán karaoke không gặp anh Q. T yêu cầu Q điều khiển xe chở đến quán cà phê V ở thôn T, xã B (mục đích để bán

chiếc ti vi cho anh Dương Văn T là chủ quán) nhưng không gặp anh T. Lúc này Q nói với T "ti vi này ở đâu, đồ ăn trộm à?", T nói "Không phải, ti vi của nhà" và hỏi Q "có chỗ nào bán không". Q điều khiển xe ô tô đưa T đến nhà anh Nguyễn Văn B ở thôn T. T cùng S khiêng ti vi vào nhà anh B. Sau khi kiểm tra ti vi xong, anh B không mua, T, S tiếp tục mang ti vi lên xe ô tô và yêu cầu Q đưa đến gia đình anh Vũ Ngọc C ở thôn Đ, xã B. T, S khiêng ti vi vào nhà anh C, sau khi kiểm tra ti vi anh C trả 4.000.000 đồng. T không bán và cùng S khiêng ti vi lên xe ô tô đi về. Đi được khoảng 1 km, Q hỏi T "Thế không phải đồ ăn trộm à", T nói "Ừ". Do biết anh trai mình là Tạ Văn V đang muốn mua ti vi nên Q hỏi mua chiếc ti vi với giá 5.000.000 đồng và không tính tiền taxi. T đồng ý bán cho Q, Q điều khiển xe ô tô đi về nhà mình ở thôn T, xã B. T, S khiêng ti vi vào nhà Q cất ti vi xong T yêu cầu Q chở đến phường K, thành phố V. Khi đi đến thôn S, xã S, S vay của Q 100.000 đồng để chuộc điện thoại cầm cố từ trước. Đến gần bến xe V, Q đưa cho T 4.800.000 đồng, Q đã trừ tiền cước taxi và 100.000 đồng S vay. Sau đó Q điều khiển xe đi về còn T cho S 100.000 đồng rồi một mình đi trả nợ tiền game cho một thanh niên không biết địa chỉ, cùng chơi ở quán internet ở phường K, thành phố V 4.000.000 đồng. Số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/6/2017, sau khi biết chiếc ti vi là tài sản do trộm cắp mà có, anh Tạ Văn V đã tự nguyện giao nộp chiếc ti vi cho cơ quan điều tra. Ngày 17/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại chiếc ti vi cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đặng Văn T. Nhận lại tài sản ông T không yêu cầu T phải bồi thường gì.

Đối với Đặng Văn S quá trình điều tra S bỏ trốn, không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi của S. Ngày 15/11/2017 sau khi có thông tin S đã bị Cơ quan điều tra – Công an quận Đ, thành phố Hà Nội khởi tố, bắt giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã có công văn số 02 gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị rút hồ sơ vụ án trên để điều tra bổ sung. Cùng ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện B có công văn gửi Tòa án nhân dân huyện B chuyển lại toàn bộ hồ sơ vụ án Đặng Văn T để làm rõ hành vi của Đặng Văn S. Tại cơ quan điều tra Đặng Văn S đã khai nhận có quan hệ với T từ nhỏ, biết T không có tài sản, sống phụ thuộc gia đình, khi được T rủ lấy trộm chiếc ti vi, S không tham gia trộm cắp ti vi nhưng quá trình T đi bán ti vi, mặc dù biết rõ tài sản do T trộm cắp mà có S vẫn giúp đỡ T suốt quá trình đi bán ti vi (từ việc cho mượn điện thoại để T hỏi địa chỉ mua ti vi đến việc cùng T khiêng ti vi đi bán) và được T cho 200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 87/KSĐT-KT ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ

luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo T bằng thời hạn đã tạm giam đối với bị cáo. Truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo S từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên còn đề nghị xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T phát biểu lời bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo T ở mức dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại là ông Đặng Văn T trình bày thống nhất với lời bào chữa của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo T với mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm các anh Tạ Văn V và Tạ Văn Q trình bày sau khi mua lại tài sản trộm cắp, các anh đã trả lại cho ông T chiếc ti vi. Về số tiền 5.000.000 đồng anh V mua ti vi, ông T đã bồi thường cho anh và anh không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Những người làm chứng trình bày thống nhất với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, ngoài ra không trình bày gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cụ thể như sau: Khoảng 08 giờ ngày 22/6/2017, tại nhà riêng ở thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng không có ai ở nhà Đặng Văn T đã lấy trộm chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 43 inch màu đen đặt tại phòng khách của bố mẹ là ông Đặng Văn T và bà Dương Thị H sau đó cùng Đặng Văn S đem đi bán cho anh Tạ Văn V được 5.000.000 đồng. T cho S số tiền 200.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu sài cá nhân hết.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào Kết luận định giá ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B giá trị chiếc ti vi mà Đặng Văn T trộm cắp là 6.000.000 đồng.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi trộm cắp chiếc ti vi trị giá 6.000.000 đồng của bị cáo Đặng Văn T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Hành vi giúp sức đem chiếc ti vi đi tiêu thụ của Đặng Văn S đã phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra vào thời điểm Bộ luật hình sự 1999 vẫn có hiệu lực vì vậy Viện kiểm sát nhân

dân huyện Bình Xuyên đã truy tố Đặng Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; truy tố Đặng Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản, ngang nhiên trộm cắp chiếc ti vi của nhà mình. Bị cáo S mặc dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tích cực cùng T đi tiêu thụ chiếc ti vi nêu trên. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy:

Đối với bị cáo Đặng Văn T là người có nhân thân xấu, bản thân đã có 01 tiền sự tuy nhiên đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra. Do đó bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, đồng thời gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường giá trị thiệt hại tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tạ Văn V và tại phiên tòa đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cần áp dụng hình phạt tù bằng thời hạn đã tạm giam đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Đặng Văn S, bản thân đã từng bị Tòa án nhân dân huyện B kết án 10 tháng tù cho hưởng án treo về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng đã được xóa án tích nên là người có nhân thân xấu. Bị cáo không chịu lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện nay lại tiếp tục phạm tội. Ngày 27/12/2017, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tính đến ngày xét xử, bản án của Tòa án nhân dân quận Đ chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt trong bản án này. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra. Do đó bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cũng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với anh Tạ Văn V và anh Tạ Văn Q là người đã mua lại chiếc ti vi do bị cáo tài sản trộm cắp được. Nhưng bản thân anh V và anh Q không biết đó là tài

sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 43 inch màu đen của vợ chồng ông Đặng Văn T. Ngày 17/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại chiếc ti vi cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Đặng Văn T. Nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bổ sung quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lập biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng, trưng cầu định giá tài sản, lấy lời khai của các bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, thời hạn điều tra đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình kiểm sát điều tra, truy tố và xét xử, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã tiến hành phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, bổ sung quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, ban hành cáo trạng, thời hạn truy tố, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đặng Văn S phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 06 (Sáu) tháng 07 (Bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 13 tháng 7 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Viện KSND H.B;
- CQĐT - Công an H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Trại TG số 1- CA.TP Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ